

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS-ST

Ngày: 18/5/2023

V/v “Tr/c hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Thế Nam và ông Nguyễn Trịnh Điền.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18/5/2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2023/TLST- DS ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Dương Thị Phụng, sinh năm 1981; trú tại: thôn Hà Tây, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị P là bà: Nguyễn Thị Khánh T, sinh năm 1984; trú tại: 12/24 Lê Thánh Tôn, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên lạc: Văn phòng Luật sư T và Cộng sự, đường Lê Thánh Tôn, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (*Theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2023*) - Có mặt.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; trú tại: thôn Tường Vân, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía Nguyên đơn là ông Lương Tất T, sinh năm 1978 (Chồng bà P); trú tại: thôn Hà Tây, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lương Tất T là ông Lương Ngọc T, sinh năm 1988; trú tại: thôn Hà Tây, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (*Theo văn bản ủy quyền ngày 07/3/2023*)- Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía Bị đơn là ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1957 (Chồng bà H); trú tại: thôn Tường Vân, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2023 và ý kiến trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà Dương Thị Phụng trình bày thì nội dung vụ án như sau: do quen biết với nhau

nên từ tháng 8/2021 đến tháng 10/2022, bà P có cho bà Nguyễn Thị H vay nhiều lần với tổng số tiền là 3.050.000.000 đồng. Khi cho vay, hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng về số tiền vay và lãi, còn ngày, tháng, năm vay và số tiền vay thì bà P ghi vào quyển sổ tay của mình, sau đó bà H ký xác nhận vào, hai bên không lập thành văn bản cụ thể. Khi đến hạn trả nợ, bà H không chịu trả cho bà P, mặc dù bà P đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà H không trả. Ngày 20/11/2022, thì hai bên mới lập giấy thỏa thuận trả nợ trong đó bà H thừa nhận có nợ của bà P với số tiền là 3.050.000.000 đồng. Tại giấy thỏa thuận này, bà H hứa trong thời hạn 01 tháng (20/11/2022 đến 20/12/2022) bà H sẽ trả cho bà P số tiền là 1.550.000.000 đồng, số tiền còn lại bà H hứa sẽ trả cho bà P vào năm sau (tức năm 2023) với số tiền 500.000.000 đồng và xin bà P số tiền 1.000.000.000 đồng còn lại vì không có khả năng trả nợ, hai bên có ký xác nhận vào giấy thỏa thuận này. Sau khi hai bên lập giấy thỏa thuận nợ, thì đến tháng 11/2022, bà H có trả cho vợ chồng bà P số tiền 300.000.000 đồng. Số tiền còn lại 2.750.000.000 đồng đến nay bà H vẫn chưa trả theo giấy thỏa thuận. Do bà H không thực hiện trả nợ theo giấy thỏa thuận mà hai bên đã lập ngày 20/11/2022, do đó bà P cho rằng bà H đã vi phạm cam kết trả nợ trong giấy thỏa thuận ngày 20/11/2022 nên bà Phượng không đồng ý tiếp tục thực hiện các thỏa thuận khác đối với bà H đã ghi trong giấy thỏa thuận trả nợ. Vì vậy, bà P làm đơn khởi kiện bà H ra Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong và đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C phải trả cho vợ chồng bà P số tiền nợ là 2.750.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Tại phiên hòa giải ngày 29/3/2023, bà P và ông T đều có ý kiến nếu bà H thỏa thuận được việc trả nợ thì bà P và ông T không yêu cầu tiền lãi. Nếu tại phiên hòa giải mà bà H không thỏa thuận được việc trả nợ thì bà P và ông T yêu cầu bà H phải trả tiền lãi theo mức lãi suất mà pháp luật quy định, thời gian tính lãi từ ngày 20/11/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà P không yêu cầu tính tiền lãi mà chỉ yêu cầu bà H trả số tiền gốc là 2.750.000.000 đồng.

Tại đơn trình bày ý kiến ngày 21/3/2023 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: vào tháng 9/2022 đến tháng 10/2022, bà Hoa có mượn của bà Dương Thị P ở thôn Hà Tây, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị số tiền là 3.050.000.000 đồng, mục đích mượn là cho bà Hồ Thị Hương L là Phó giám đốc Phòng giao dịch Vĩnh Định, thuộc Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT huyện Triệu Phong. Hiện tại bà L đã bị khởi tố về hình sự nên không có khả năng trả lại số tiền trên cho bà H, do đó bà H không có tiền trả cho bà P. Theo bà H, khi bà H cho bà L mượn tiền thì bà P cũng biết và đồng ý cho bà L mượn số tiền trên, vì bà L không quen biết với bà P nên bà L nhờ bà H đứng ra mượn bà P số tiền trên để bà H đưa cho bà L. Tại giấy thỏa thuận trả nợ được lập vào ngày 20/11/2022 có nội dung: “Bà Nguyễn Thị H có vay của Bà Dương Thị P số tiền 3.050.000.000 đồng, hứa từ ngày 20/11/2022 đến ngày 20/12/2022 bà H sẽ trả cho bà P số tiền 1.550.000.000 đồng, số tiền còn lại nếu người nhà bà L trả nợ cho bà H được bao nhiêu thì bà H sẽ hoàn trả cho bà P một ít. Trong một năm sau, nếu bà L không trả thì bà H hứa sẽ trả cho bà P số tiền 500.000.000 đồng, còn lại số tiền 1.000.000.000 đồng nếu bà Loan không trả cho bà H thì bà H không có khả năng trả cho bà P và bà P không được đòi bà H, không được kiện ra pháp luật”. Do bà L không trả tiền cho bà H nên bà H không có tiền để trả cho bà P. Hiện tại, bà H đã làm đơn tố giác tội phạm đối với và Hồ Thị Hương L đến cơ

quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Trị và vụ việc đang được Công an Tỉnh Quảng trị thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền. Cũng theo bà Hoa, việc mượn tiền của bà L và bà H là quan hệ giữa bà L và bà H không liên quan gì đến bà P nên bà H không đề nghị Tòa án đưa bà Hồ Thị Hương L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Tháng 11/2022, bà H có trả cho vợ chồng bà P số tiền là 300.000.000 đồng, nên số tiền bà H còn nợ vợ chồng bà P là 2.750.000.000 đồng là đúng. Việc bà P khởi kiện yêu cầu bà H phải trả toàn bộ số tiền là 2.750.000.000 đồng thì bà H không có ý kiến gì. Tuy nhiên vì số tiền nợ này, bà H cho bà L mượn lại, nhưng hiện tại bà L bị Công an tỉnh Quảng Trị ra quyết định khởi tố bị can đối với bà L nên bà L không có khả năng trả cho bà H, do đó bà H không có tiền trả cho bà P. Đối với việc bà P yêu cầu chồng bà H là ông Nguyễn Văn C phải chịu trách nhiệm trả số tiền trên thì bà H có ý kiến như sau: tại thời điểm bà H mượn tiền bà P thì ông C chồng bà H bị ốm đau nằm liệt giường nên ông C hoàn toàn không biết, đây chỉ là việc vay mượn cá nhân giữa bà H với bà P. Do đó bà H không đồng ý việc bà P đề nghị đưa chồng bà H là ông Nguyễn Văn C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại đơn trình bày ý kiến đề ngày 21/3/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày: ông Cam cho rằng việc vay mượn tiền giữa bà H và bà P thì ông C hoàn toàn không biết và ông cũng không liên quan gì đến việc vay mượn tiền giữa bà H và bà P. Bản thân ông C bị tai biến từ năm 2004 cho đến nay, hiện tại ông C bị liệt nửa người, đi lại khó khăn. Việc bà H đứng ra mượn tiền bà P giúp cho ai thì ông C không biết, vì bà Hoa cũng không nói với ông C.

Tại phiên hòa giải ngày 29/3/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lương Tất T (chồng bà P) cũng nhất trí với ý kiến của bà Dương Thị P với nội dung: do bà H vi phạm thỏa thuận trả nợ theo giấy xác nhận nợ lập ngày 20/11/2022, nên ông T cũng đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C phải trả cho vợ chồng bà P, ông T toàn bộ số tiền nợ là 2.750.000.000 đồng. Nếu bà H thỏa thuận được việc trả nợ thì bà P và ông T không yêu cầu tiền lãi. Nếu tại phiên hòa giải, bà H không thỏa thuận được việc trả nợ thì bà P và ông T yêu cầu bà H phải trả tiền lãi theo mức lãi suất mà pháp luật quy định, thời gian tính lãi từ ngày 20/11/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà P, người đại diện theo ủy quyền của ông Lương Tất T chồng bà P và người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị P đều đồng ý với ý kiến của bà P về khoản tiền bà H còn nợ bà P và yêu cầu bà H và ông C phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng bà P toàn bộ số tiền nợ là 2.750.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về phần thủ tục: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hoa phải trả cho bà Dương Thị P và ông Lương Tất T số tiền 2.750.000.000 đồng; về án phí: buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Dương Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả toàn bộ số tiền nợ còn lại là 2.750.000.000 đồng, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại thôn Hà Tây, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc đưa người vào tham gia tố tụng theo yêu cầu của Nguyên đơn: trong đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Dương Thị P đề nghị Tòa án đưa ông Nguyễn Văn C chồng bà H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử thấy: theo đơn trình bày của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H thì ông C bị tai biến, liệt người từ năm 2004 cho đến nay. Tại thời điểm bà H mượn tiền của bà P thì ông C đã ốm đau không đi lại được, nên việc bà H mượn tiền của bà P như thế nào thì ông C không biết và số tiền mượn này bà H cũng không kinh doanh buôn bán hay phục vụ cho mục đích kinh tế gia đình, nên ông C không có trách nhiệm gì với số tiền bà H mượn của bà P. Mặt khác, tại giấy thỏa thuận trả nợ lập ngày 20/11/2022 do bà H và bà P ký xác nhận không có chữ ký của ông C; ông C là đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội theo Quyết định số 1148/40/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của UBND huyện Triệu Phong, thuộc đối tượng người khuyết tật nặng (BL 51). Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà H tự mình mượn tiền của bà P và tự mình ký xác nhận tại giấy nhận nợ với bà P nên ông Nguyễn Văn C không liên quan gì đến việc mượn tiền giữa bà P và bà H. Vì vậy, Tòa án không đưa ông Nguyễn Văn C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có căn cứ đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bà Hồ Thị Hương L: trong giấy thỏa thuận trả nợ giữa bà H và bà P có nêu rõ tên bà L nhưng trên thực tế thì bà L hoàn toàn không biết, bà P và bà L cũng không ký vào giấy thỏa thuận trả nợ cho bà P nên bà L không liên quan gì đến trách nhiệm trả nợ của bà H đối với bà P. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai đối với bà Hồ Thị Hương L được Tòa án lập ngày 13/4/2023 tại Trại giam công an tỉnh Quảng Trị thì bà L cũng thừa nhận bà L không quen biết gì bà P. Việc bà L mượn tiền bà H thì bà Loan sẽ có trách nhiệm trả nợ cho bà H (Bút lục 43). Vì vậy, Tòa án không đưa bà Hồ Thị Hương L vào tham gia tố tụng trong vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị P, người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị P và người đại diện theo ủy quyền của ông

Lương Tất T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C (Chồng bà H) phải trả toàn bộ số tiền gốc là 2.750.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng: tại giấy thỏa thuận trả nợ được lập vào ngày 20/11/2022 có nội dung: “Bà Nguyễn Thị H có vay của Bà Dương Thị P số tiền 3.050.000.000đồng, hứa từ ngày 20/11/2022 đến ngày 22/12/2022 bà H sẽ trả cho bà P với số tiền 1.550.000.000đồng số tiền còn lại 1.500.000.000 đồng nếu người nhà bà L trả nợ cho bà H được bao nhiêu thì bà H sẽ hoàn trả cho bà P một ít. Trong 1 năm sau nếu bà L không trả thì bà H hứa sẽ trả cho bà P 500.000.000đồng, còn lại 1.000.000.000 đồng nếu bà L không trả cho bà Hoa thì bà H không có khả năng trả cho bà P và bà P không được đòi nợ bà H và không được kiện ra pháp luật”. Sau khi có giấy thỏa thuận trả nợ thì tháng 11/2022 bà Hoa có trả cho bà Phượng 300.000.000 đồng nên số tiền bà H còn nợ bà P là 2.750.000.000 đồng.

Xét về nội dung và hình thức hợp đồng vay tài sản Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù khi vay các bên không lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng miệng, nhưng các thỏa thuận này phù hợp với nội dung và hình thức của hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, nên cần xem xét bảo vệ quyền lợi của các bên đương sự theo đúng quy định của Bộ luật dân sự. Tại giấy thỏa thuận trả nợ được các bên ký vào ngày 20/11/2022, thì bà H có thỏa thuận với bà P về số tiền nợ và thời gian trả nợ cụ thể là: từ ngày 20/11/2022 đến ngày 20/12/2022 bà H sẽ trả cho bà P số tiền 1.550.000.000 đồng, nhưng đến thời hạn thỏa thuận trả nợ ngày 20/12/2022 bà H mới trả cho bà P được 300.000.000 đồng, còn lại 2.750.000 đồng, bà H không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận. Như vậy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên đã thỏa thuận vào ngày 20/11/2022 nên bà P không đồng ý tiếp tục thực hiện các thỏa thuận mà các bên đã cam kết trong giấy thỏa thuận trả nợ được lập ngày 20/11/2022, đồng thời bà P khởi kiện bà H ra Tòa án, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hoa phải trả số tiền 2.750.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó cần buộc bà H phải trả số tiền nợ còn lại là 2.750.000.000 đồng cho vợ chồng bà P là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, bà P không yêu cầu tính tiền lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa phía nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C (chồng bà H) phải chịu trách nhiệm liên đới về trả số tiền là 2.750.000.000 đồng cho bà P, Hội đồng xét xử thấy: Tại thời điểm bà H mượn tiền của bà Phượng thì ông C đã ốm đau không đi lại được, nên việc bà H mượn tiền của bà P như thế nào thì ông C không biết và số tiền mượn này bà H cũng không kinh doanh buôn bán hay phục vụ cho mục đích kinh tế gia đình, nên ông C không có trách nhiệm gì với số tiền bà H mượn của bà P. Mặt khác, tại giấy thỏa thuận trả nợ lập ngày 20/11/2022 do bà Hoa và bà Phượng ký xác nhận không có chữ ký của ông Cam; ông Cam là đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội theo Quyết định số 1148/40/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của UBND huyện Triệu Phong, thuộc đối tượng người khuyết tật nặng. Việc bà H tự mình mượn tiền của bà Phượng và tự mình ký xác nhận tại giấy nhận nợ với bà P, ông C không liên quan gì đến việc mượn tiền giữa bà H và bà P. Vì vậy, không có căn cứ để

buộc ông Nguyễn Văn C phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ số tiền nói trên cho bà P và ông T, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của phía nguyên đơn.

[5] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị P được Tòa án chấp nhận, do đó bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000378 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong. Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà P số tiền là 2.750.000.000 đồng nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đây là loại án phí có giá ngạch nên số tiền án phí sơ thẩm bà H phải chịu án phí là 87.000.000 đồng (72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 2.000.000.000 đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ngày 15/5/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin giảm tiền án phí với lý do hiện nay hoàn cảnh gia bà H gặp rất nhiều khó khăn, chồng bà Hoa là ông Nguyễn Văn C bị tai biến từ năm 2004 cho đến nay, bị liệt nửa người, không tỉnh táo, đi lại khó; con trai của bà H là Nguyễn Ngọc Huy Q cũng bị bại não nằm một chỗ. Bản thân bà H phải chăm sóc chồng và con ốm đau, bệnh tật. Gia đình bà H hiện đang lâm vào hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Triệu An. Tuy nhiên đối chiếu với quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Nguyễn Thị H không thuộc đối tượng được xét giảm tiền án phí, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để giảm tiền án phí cho bà H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị P, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Dương Thị P và ông Lương Tất T số tiền là 2.750.000.000 đồng (*Hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 87.000.000 đồng (*Tám mươi bảy triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Dương Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 43.500.000 đồng (*Bốn ba triệu năm trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000378 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án trên một cấp để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hải

